

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2020

“V/v ly hôn và chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Phượng

*Các hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Lê Thị Vân

2/ Ông Trần Văn Nhị

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thường Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17/02/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1978. Địa chỉ: khu III Ô2, thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An.

\* Bị đơn: Ông **Trịnh Hiền N**, sinh năm 1974. Địa chỉ: khu III Ô2, thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An.

(Các đương sự được triệu tập đều có mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị D trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông N kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT. Nguyên nhân mâu thuẫn vào 2013, do bà buôn bán bị thiếu hụt tiền bạc. Ông N có đưa tiền xoay sở nhưng không hết nợ. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân được 2 năm. Nay không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Trịnh Hoàng P sinh ngày 17/7/2007. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà ở nhà trọ của người em và đang làm công N tại khu công nghiệp LG, tỉnh Tiền Giang, thu nhập mỗi tháng trung bình

khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay, cháu Phúc học tại Trường trung học cơ sở thị trấn TT và sống với ông N. Bà đã về thăm con rất nhiều lần nhưng ông N không cho rước con. Bà không thể sinh con được nữa nên yêu cầu được sống quãng đời còn lại với cháu P. Ông N đi làm có khi để con ở nhà một mình rất tội cho con.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông N có các tài sản chung gồm 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 tủ gỗ, 01 bộ sa lon gỗ đỏ, 01 xe Honda Airblade biển số 62G1-004.77 và Căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 130 và quyền sử dụng thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10-4, tọa lạc thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An. Thửa đất số 130 là do cha chồng cho chung hai vợ chồng bà vào năm 2004 để xây nhà. Toàn bộ đây là tài sản chung của hai vợ chồng chứ không phải tài sản riêng của ông N. Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2020, bà D yêu cầu được chia đôi toàn bộ tài sản chung nêu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà D xác định yêu cầu chia tài sản chung với ông N gồm: 01 Chiếc xe Airblade Fi, hiệu Honda, số máy F27E-0590810, số khung 802AY-567410, biển số 62G1-004.77 do bà đang đứng tên chủ sở hữu và nhận 100.000.000 đồng là tiền chia căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10-4, tọa lạc thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An.

Bà D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 tủ gỗ, 01 bộ sa lon gỗ đỏ. Do ông N xác định sẽ để lại quyền sử dụng thửa đất số 130 cho con chung Trịnh Hoàng P khi con được 18 tuổi nên bà rút đơn yêu cầu chia quyền sử dụng thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10-4, tọa lạc thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An.

*\* Bị đơn ông Trịnh Hiền N trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Về quá trình hôn nhân diễn biến như bà D trình bày. Nay ông đồng ý ly hôn với bà D, ông xác định không còn tình cảm với bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 01 con chung tên Trịnh Hoàng P, sinh ngày 17/7/2007. Hiện nay, cháu P đang sống với ông. Do bà D ở nhà trọ nên con chung ở với ông sẽ tốt hơn. Ông làm nghề lái xe tải sáng đi chiều về, lâu lâu cũng chở hàng qua đêm. Thu nhập bình quân của ông khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Khi ông chở hàng qua đêm không về thì cháu Phúc qua ngủ nhà mẹ ruột của ông nhà kế bên. Bà D gây nợ nên ông thấy cháu Phúc sống với bà D không an toàn. Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phúc, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Ông nuôi con, khi bà D muốn thăm hay rước con thì phải báo trước cho ông chứ dẫn đi mà không báo thì ông không đồng ý.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông có đưa tiền cho bà D 3 lần để trả nợ, nhưng không có yêu cầu gì. Bà D tự gây nợ chứ không phải do ông.

Về chia tài sản chung:

Chiếc xe Honda Airblade biển số 62G1 004.77: Xe do bà D đứng tên được mua năm 2011. Giấy tờ xe ông đang giữ. Ông đồng ý giao cho bà D được sở hữu toàn bộ chiếc xe này. Bà D không phải hoàn trả giá trị cho ông.

Căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 130 là do tiền chung của 2 vợ chồng bỏ ra để xây dựng. Ông sẽ chia cho bà D 100.000.000 đồng và ông nhận căn nhà.

Thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10-4, tọa lạc thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An do cha ông là Trịnh Quang K cho riêng ông, đây không phải là tài sản chung của vợ chồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên. Ông không đồng ý chia quyền sử dụng thửa đất số 130 cho bà D. Toàn bộ nhà và đất ông sẽ để lại cho con trai là Hoàng Pkhi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản trong nhà: Ông và bà D có mua các tài sản gồm 01 tủ lạnh, 01 máy giặt không nhớ hiệu gì (mua đã 16 năm). Các tài sản riêng của ông là 01 tủ gỗ cắm xe loại tủ 2 cánh (1 bên cửa cây, một bên cửa kính) mua gần 10 năm; 01 bộ sa lon gỗ đỏ mua trước khi mua tủ gỗ. Nay bà D rút yêu cầu chia những tài sản này, ông không có ý kiến gì, sau này ông cũng để lại cho con.

*\* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà D được ly hôn với ông N. Về con chung Trịnh Hoàng Pgiaio cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con do ông N không yêu cầu. Về chia tài sản chung thì đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện do bà D rút 1 phần yêu cầu. Những tài sản bà D yêu cầu chia thì được chấp nhận toàn bộ. Bà D được chia 01 chiếc xe Honda Airblade biển số 62G1 004.77 và 100.000.000 đồng là giá trị căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 130. Ông N nhận bằng hiện vật là căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 130.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị D nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Hiền N. Căn cứ nơi cư trú bị đơn, nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết toàn bộ vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào mới.

[2] Nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông N. Bà D xác định không thể sống chung với ông N được nữa và hai bên không có bất kỳ giải pháp nào hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D và ông N đã ly thân được khoảng 2 năm. Ông N đồng ý ly hôn với bà D. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà D và ông N đã trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà D phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

2.2 Về nuôi con chung: Bà D và ông N có 01 con chung tên Trịnh Hoàng P sinh ngày 17/7/2007. Khi ly hôn, bà D và ông N đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, ông N và bà D đều có công việc ổn định đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay cháu Nhân đang sống với ông N vẫn phát triển tốt và tại phiên tòa sơ thẩm cháu Phúc có nguyện vọng được sống chung với ông N. Nhằm tránh sự thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý trẻ nên giao con chung cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con do ông N không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà D được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

### 2.3 Về chia tài sản chung:

- Xét việc bà D xin rút một phần yêu cầu chia các tài sản gồm: 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 tủ gỗ cấm xe loại tủ 2 cánh (1 bên cửa cây, một bên cửa kính); 01 bộ sa lon gỗ đỏ và quyền sử dụng thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10-4, tọa lạc thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà D là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai đe dọa ép buộc và phù hợp quy định pháp luật, nên Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà D theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quyền khởi kiện lại của đương sự được thực hiện theo Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu chia tài sản chung gồm:

Chiếc xe Airblade Fi, hiệu Honda, số máy F27E-0590810, số khung 802AY-567410, biển số 62G1-004.77 do bà Trần Thị D đứng tên. (hiện nay do ông N giữ). Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty thẩm định giá Hồng Đức ngày 25/6/2020 chiếc xe có giá trị 19.000.000 đồng. Ông N đồng ý để bà D được sở hữu toàn bộ chiếc xe nêu trên và giao cho bà D tài sản này cùng các giấy tờ liên quan. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông N phù hợp quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Xét yêu cầu chia căn nhà nằm trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10-4, tọa lạc thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An: Nhà có kết cấu móng đá bê tông cốt thép, nền gạch men, tường gạch sơn nước, la phong trần thạch cao, nhà vệ sinh bên trong và mái che có kết cấu mái fibroximăng, xà gồ gỗ, nền xi măng, tường xây gạch, lưới B40, trụ rào bê tông cốt thép. Bà D và ông N thống nhất nhà là tài sản chung của hai vợ chồng được xây dựng năm 2004. Theo chứng thư thẩm

định giá của Công ty thẩm định giá Hồng Đức ngày 25/6/2020 nhà chính và nhà tiền chế có giá trị là 253.302.500 đồng. Bà D và ông N thống nhất bà D được chia giá trị căn nhà là 100.000.000 đồng. Ông N được chia 153.302.500 đồng nhưng được nhận bằng hiện vật là căn nhà cấp 4 nêu trên và giao lại cho bà D 100.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ chấp nhận một phần như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[3] Về án phí: Bà D có xin giảm án phí do bà bị tai nạn giao thông phải uống thuốc điều trị lâu dài có xác nhận của chính quyền địa phương. Ông Trịnh Hiền N cũng có đơn xin giảm án phí do hiện nay dịch bệnh Covid nên công việc của ông cũng giảm sút thu nhập. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận giảm 50% án phí cho bà D và ông N. Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 5.950.000 đồng án phí chia tài sản chung khi ly hôn, được giảm còn 3.125.000 đồng. Ông N phải chịu 3.832.562 đồng án phí chia tài sản chung khi ly hôn.

[4] Về lệ phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ là 10.600.000 đồng. Bà D và ông N mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$ . Bà D đã tạm ứng trước nên ông N phải hoàn trả cho bà D 5.300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 33, 35, 147, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 33, 56, 58, 59, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với ông Trịnh Hiền N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị D được ly hôn với ông Trịnh Hiền N.

2. Về nuôi con chung: Bác yêu cầu xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của bà Trần Thị D.

Giao 01 con chung tên Trịnh Hoàng P sinh ngày 17/7/2007 cho ông Trịnh Hiền N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trần Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con do ông N không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Trần Thị D được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung:

3.1 Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D về việc yêu cầu chia 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 tủ gỗ cắm xe loại tủ 2 cánh (1 bên cửa cây, một bên cửa kính); 01 bộ sa lon gỗ đỏ và quyền sử dụng thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10-4, tọa lạc thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An.

Về quyền khởi kiện lại của đương sự được thực hiện theo Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2 Bà Trần Thị D được chia:

01 chiếc xe Airblade Fi, hiệu Honda, số máy F27E-0590810, số khung 802AY-567410, biển số 62G1-004.77 do bà Trần Thị D đứng tên.

Buộc ông Trịnh Hiền N giao 01 chiếc xe Airblade Fi, hiệu Honda, số máy F27E-0590810, số khung 802AY-567410, biển số 62G1-004.77 và giấy đăng ký mô tô, xe máy số 005471 cho bà Trần Thị D quản lý, sử dụng.

Buộc ông Trịnh Hiền N giao cho bà Trần Thị D 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là tiền chia giá trị căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10-4, tọa lạc thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An.

3.3 Ông Trịnh Hiền N được chia 153.302.500 đồng nhưng được nhận bằng hiện vật là căn nhà cấp 4 diện tích 96m<sup>2</sup>, có kết cấu móng, cột đà bê tông cốt thép, nền gạch men, tường gạch sơn nước, la phong trần thạch cao, nhà vệ sinh bên trong và mái che có kết cấu mái fibroximăng, xà gỗ gỗ, nền xi măng, tường xây gạch, lưới B40, trụ rào bê tông cốt thép (Nhà nằm trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 10-4, tọa lạc thị trấn TT, huyện X, tỉnh Long An.)

Theo mảnh trích đo địa chính của Công ty đo đạc nhà đất TT được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X duyệt ngày 04/6/2020 và Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức ngày 25/6/2020.

4. Về án phí:

Bà Trần Thị D phải chịu 3.125.000 đồng án phí ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.800.000 đồng theo biên lai thu số 0004963 và 0004964 cùng ngày 14/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X. Bà Trần Thị D được hoàn lại 2.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Ông Trịnh Hiền N phải chịu 3.832.562 đồng án phí chia tài sản chung khi ly hôn.

5. Về lệ phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ là 10.600.000 đồng. Bà Trần Thị D và ông Trịnh Hiền N mỗi người phải chịu 1/2. Bà D đã tạm ứng trước nên ông Trịnh Hiền N phải hoàn trả lại cho bà Trần Thị D 5.300.000 đồng.

6. Kể từ ngày bà Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông Trịnh Hiền N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An
- VKSND huyện X;
- CCTHADS huyện X;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn TT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Lê Thị Mỹ Phượng**





**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An
- VKSND huyện X;
- CCTHADS huyện X;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn TT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Mỹ Phượng**